TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2022/DS-PT Ngày 24/01/2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 20 đến 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2020/TLPT-DS ngày 17/3/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐPT-DS ngày 21/5/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 106/2020/QĐPT-DS ngày 16/6/2020, Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 768/TB-TA ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; trụ sở: số 34A-34B đường H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phương Hữu V – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Trọng C - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 1296 đường T, Tổ 4, khóm Đ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền số 42/2019/GUQ-VAB ngày 02/4/2019).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Công L, sinh năm 1976;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tu, sinh năm 1976;

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: ông Lê Công T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp A, xã Hòa B, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lê Công T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông Lê Công T (đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông L, bà Tu) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Cao Trọng C - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T có ký các hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V Chi nhánh An Giang - Phòng Giao dịch LX (gọi tắt là Ngân hàng V) cụ thể, như sau:

+ Hợp đồng tín dụng thứ nhất: số 415-019/14/VAB/HĐTDHCN ngày 03/6/2014, số tiền vay là 190.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; phương thức trả gốc, lãi: hàng tháng; mục đích vay: mua xe ô tô tải Thaco Frontier 125; lãi suất vay trong hạn: 12,08%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả: 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay này ông L, bà T đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 415-002/14/VAB/HĐTCĐS đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 01, tỉnh An Giang ngày 20/6/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/6/2014 đúng quy định pháp luật. Tài sản thế chấp bao gồm: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 000068 (biển kiểm soát 67C-027.47) do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 13/6/2014 (số khung 50AKEC024296, số máy J2688948, nhãn hiệu THACO, loại xe FRONTIE, tải trọng 1250kg).

+ Hợp đồng tín dụng thứ hai: số 415-033/14/VAB/HĐTDHCN, ngày 23/9/2014; số tiền vay là 150.000.000đồng; thời hạn vay 36 tháng; phương thức trả gốc, lãi: hàng tháng; mục đích vay: bổ sung vốn mua bán bia, nước giải khát; lãi suất vay trong hạn: 12,7%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả: 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay ông L, bà T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 415-008/14/VAB/HĐTCBĐS, ngày 23/9/2014 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 01, tỉnh An Giang ngày 23/9/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2014 tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện

Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1190mB, do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L, bà T ngày 24/4/2008.Trong quá trình vay từ ngày giải ngân cho đến nay ông L, bà T chỉ trả được cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 169.460.000 đồng và tiền lãi 78.413.395 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông L, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/01/2020, ông L, bà T còn nợ ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 415-019/14/VAB/HĐTDHCN ngày 03/6/2014 số tiền còn nợ 129.283.574 đồng, trong đó: vốn gốc 87.040.000 đồng, tiền lãi là 42.243.574 đồng (gọi tắt HĐTD số 1).

- Hợp đồng số 415-033/14/VAB/HĐTDHCN, ngày 23/9/2014 số tiền còn nợ 134.381.362 đồng, trong đó: vốn gốc 83.500.000 đồng, tiền lãi là 50.881.362 đồng (gọi tắt HĐTD số 2).

Tổng số nợ của 02 hợp đồng là 263.602.149 đồng (*Hai trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm bốn mươi chín đồng*), ông C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, chi nhánh An Giang đại diện nhận tổng số tiền 261.656.306 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*), trong đó (vốn gốc 170.540.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng) cho đến khi thi hành án xong và yêu cầu:

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 415-08/14/VAB/HĐTCBĐS ngày 23/9/2014 được Văn phòng công chứng Số 1 tỉnh An Giang chứng nhận ngày 23/9/2014 được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới ngày 23/9/2014 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải số 415-002/14/VAB/HĐTCĐS ngày 20/6/2014 đã được công chứng tại Phòng Công chứng Số 01, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 20/6/2014 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/6/2014 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đại diện Ngân hàng V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi số tiền 1.945.837 đồng, chỉ yêu cầu ông L, bà T trả cho Ngân hàng 261.656.306đ (vốn gốc 170.540.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông T xác định ông L, bà T có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt Ngân hàng V) hiện còn nợ tiền vốn vay cũng như tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng như Ngân hàng khởi kiện. Ông đại diện cho ông L,

bà T đồng ý trả tiền vốn vay 170.540.000 đồng cho ngân hàng, số tiền nợ lãi 91.116.306 đồng đề nghị Ngân hàng xem xét giảm bớt một phần lãi để tạo điều kiện cho ông trả nợ cho Ngân hàng, sau khi Ngân hàng giảm bớt một phần tiền lãi nêu trên, phần tiền lãi còn lại xin được trả dần trong thời gian 01 năm để tất toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông T Sử dụng diện tích đất 14,2m^2 là phần hậu của căn nhà ông T nằm trong QSD đất 2848,5m^{2}do UBND cấp cho ông L, bà T ngày 24/4/2008 (theo kết quả đo vẽ ngày 04/08/2020), ông T sử dụng đất này trồng cây và nuôi cá, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa sơ thẩm xem xét giải quyết liên quan đối với phần đất ông sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà T (ông là anh ruột ông L), nên Tòa sơ thẩm không xem xét.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX, quyết định:

Căn cứ vào Điều 323, Điều 325, Điều 343, Điều 361, Điều 427, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 297, Điều 306 Luật thương mại; Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 169 và khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc bị đơn ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền số tiền 261.656.306 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*), trong đó: vốn gốc: 170.540.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồn), tiền lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng* (*Chín mươi mốt triệu một trăm mười sáu nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/01/2020) bị đơn ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2.Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 415-08/14/VAB/HĐTCBĐS ngày 23/9/2014 được Văn phòng công chứng Số 1 tỉnh An Giang chứng nhận ngày 23/9/2014 được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới ngày 23/9/2014 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải số 415-002/14/VAB/HĐTCĐS ngày 20/6/2014 đã được công chứng tại Phòng Công chứng Số 01, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 20/6/2014 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/6/2014 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi số tiền 1.945.837 đồng (*Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm hoàn lại cho Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện được nhận lại số tiền 6.207.983 đồng (*Sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003161 ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố LX.

4.2. Bị đơn ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.812.112 đồng (*Chín triệu tám trăm mười hai nghìn một trăm mười hai đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố LX.

4.3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Lê Công T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 05/02/2020 ông Lê Công T (đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T) kháng cáo xin giảm lãi xuất quá hạn để có điều kiện trả nợ, ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của bản án sơ thẩm (nội dung đơn kháng cáo).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo, theo đó ông T xác định trước khi xét xử phúc thẩm ông đã trả đủ vốn vay của hai hợp đồng tín dụng cho Ngân Hàng V với số tiền 170.540.000 đồng vào ngày 10/11/2021 đúng như án sơ thẩm đã tuyên (kèm them chứng từ là 02 phiếu thu tiền của Ngân Hàng V-chi nhánh LX). Như vậy ông đã trả xong nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng vào ngày 10/11/2021, nay chỉ còn nợ lại Ngân Hàng V tiền lãi là 91.116.306 đồng nên xin Ngân hàng giảm bớt nợ lãi này, số tiền lãi còn lại ông xin trả trong hạn 6 tháng và yêu cầu Ngân hàng V cho giải tỏa hợp đồng thế chấp QSD đất diện tích 2.848,5m^2 do ông L, bà T đứng tên, để ông tiện xử lý, kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra ông T còn cho rằng chiếc xe ô tô tải biển số 67C-027.47 của em ruột ông là ông L, em ông đứng tên (bị đơn trong vụ án này) thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng V, nhưng trong quá trình khai thác sử dụng bị Công an huyện Phú Quốc tạm giữ phương tiện ô tô tải biển số 67C-027.47 do lỗi vi phạm hành chính vào ngày 17/10/2019, do xe không có không có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản chính (vì bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng giữ khi thế chấp). Công an huyện Phú Quốc yêu cầu phía Ngân hàng phải ký văn bản xác nhận việc thế chấp thì mới xử lý được. Ông đã nhiều lần đến Ngân hàng V yêu cầu có văn bản xác nhận để em ông là ông L đủ thủ tục pháp lý nộp phạt lấy xe ô tô ra để khai thác nhưng Ngân hàng không thực hiện, gây thiệt hại cho anh em ông từ ngày 17/10/2019 cho đến nay, ông sẽ xem xét và khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Ngân hàng sau. Ông T xin miễn, giảm án phí sơ thẩm (đơn có UBND xác nhận gửi cho Tòa phúc thẩm) vì hoàn cảnh quá khó khăn, ông T xác định tự nguyện chịu chi phí đo đạc QSD đất thế chấp số tiền 2.137.300 đồng ở giai đoạn phúc thẩm, ngoài ra không yêu cầu gì khác về nội dung án sơ thẩm.

Ông C (đại diện theo ủy quyền của Ngân Hàng V) phát biểu tranh luận, xác định trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn ông L, bà T do ông T đại diện đã trả đủ vốn vay cho Ngân hàng 170.540.000 đồng (theo hai phiếu thu cùng ngày 10/11/2021) của 02 hợp đồng tín dụng vào ngày 10/11/2021 như án sở thẩm đã tuyên, nay chỉ còn nợ lãi của 02 hợp đồng tín dụng số tiền là 91.116.306 đồng. Ông không đồng ý giảm phần lãi và giải tỏa hợp đồng thế chấp QSD đất như ông T yêu cầu. Đối với ý kiến về thiệt hại do không xác nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô như ông T trình bày, ông C cho rằng do đây là tài sản thế chấp, nên Ngân hàng có yêu cầu mang xe về để xác nhận, ông C không ý kiến gì về nội dung bồi thường thiệt hại trong trường hợp này như ông T ý kiến, ông đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo các quy định tại điều 70, 71, 72, 86, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên Tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định trong giai đoạn

xét xử phúc thẩm ông T (đại diện theo ủy quyền cho ông L, bà T) là bị đơn trong vụ án đã trả đủ vốn vay của 02 hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng số tiền 170.540.000 đồng (theo 02 phiếu thu cùng ngày 10/11/2021) vào ngày 10/11/2021, nay chỉ còn nợ lại phần lãi của 02 hợp đồng tín dụng số tiền 91.116.306 đồng. Việc ông T yêu cầu Ngân hàng V giảm lãi và giải tỏa tài sản thế chấp QSD đất do ông L, bà T đứng tên vay vốn tại Ngân hàng, không được Ngân hàng chấp nhận nên không có căn pháp luật để xem xét yêu cầu này của ông T. Do đó, đề nghị Tòa phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T (đại diện ủy quyền cho ông L, bà T), buộc ông L, bà T do ông T (đại diện ủy quyền cho ông L bà T) trả 91.116.306 đồng tiền lãi của 02 hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V, buộc ông L bà T trả phần lãi của vốn gốc số tiền vay 170.540.000 đồng cho Ngân hàng V từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021 và xử lý án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông T (đại diện theo ủy quyền cho ông L, bà T) trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T (đại diện theo ủy quyền cho ông L, bà T) và đơn xin miễn giảm án phí, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nội dung đơn kháng cáo ngày 05/02/2020 của ông T (đại diện theo ủy quyền cho ông L, bà T) yêu cầu được giảm một phần nợ về lãi suất đối với số tiền 91.116.306 đồng, kèm theo đơn xin miễn giảm án phí (không kháng cáo các nội dung khác của bản án sơ thẩm).

Xét thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) do ông C (đại diện theo ủy quyền) với ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T là bị đơn trong vụ án thỏa thuận xác lập 02 hợp đồng vay vốn cụ thể: (Hợp đồng số 415-019/14/VAB/HĐTDHCN ngày 03/6/2014, số tiền còn nợ 129.283.574 đồng, trong đó: vốn gốc 87.040.000 đồng, tiền lãi là 42.243.574 đồng); (Hợp đồng số 415-033/14/VAB/HĐTDHCN ngày 23/9/2014, số tiền còn nợ 134.381.362 đồng, trong đó: vốn gốc 83.500.000 đồng, tiền lãi là 50.881.362 đồng).

Để vay vốn tại 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, ông L, bà T ký 02 hợp đồng thế chấp T sản gồm: (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.848,5m^2 do ông L, bà T đứng tên số: 415-08/14/VAB/HĐTCBĐS ngày 23/9/2014 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải xe Ôtô tải biển số 67C-027.47 do ông L đứng tên số 415-002/14/VAB/HĐTCĐS ngày 20/6/2014), để đảm bảo 02 khoản tiền vay và đảm bảo cho việc thi hành án, là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật.

Sau khi đối chiếu công nợ khấu trừ vốn, lãi do ông L, bà T thanh đã toán cho Ngân hàng V 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, thì ông L, bà T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 261.656.306 đồng (trong đó vốn gốc là 170.540.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng), việc ông L, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi vay theo 02 hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V là vi phạm hợp đồng vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông L, bà T) với ông C đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) cùng xác định rằng ông L, bà T còn nợ Ngân hàng V vốn gốc là 170.540.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng của 02 hợp đồng vay. Do đó, Tòa sơ thẩm tuyên xử buộc ông L, bà T trả cho Ngân hàng V 261.656.306 đồng (vốn gốc là 170.540.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/01/2020 là 91.116.306 đồng) và duy trì 02 hợp đồng thế chấp tài sản là QSD đất và xe ô tô của ông L, bà T để bảo đảm cho việc thi hành án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ngày 10/11/2021 ông T (đại diện ủy quyền cho ông L, bà T) đã trả toàn bộ vốn vay của 02 hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng V tổng số tiền 170.540.000 đồng (theo hai phiếu thu tiền của Ngân hàng V – PGD LX ghi ngày 10/11/2021) như án sơ thẩm đã tuyên. Ông C đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) xác định Ngân hàng V đã nhận đủ vốn gốc số tiền 170.540.000 đồng (theo hai phiếu thu tiền của Ngân hàng V – PGD LX ghi ngày 10/11/2021) của 02 hợp đồng tín dụng do ông T nộp, nên ông L, bà T không còn nợ vốn vay của 02 hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng V từ ngày 10/11/2021, chỉ còn nợ lại phần lãi của 02 hợp đồng tín dụng với số tiền lãi là 91.116.306 đồng. Nên đủ căn cứ xác định bị đơn ông L, bà T đã chấm dứt nghĩa vụ phát sinh của 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V vào ngày 10/11/2021 đối với nợ gốc của số tiền vay 170.540.000 đồng, nhưng ông L bà T còn nghĩa vụ phải trả lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021 đối với số tiền vốn gốc là 170.540.000 đồng (vốn gốc của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên). Do đó, cần sửa án sơ thẩm, chỉ buộc ông L, bà T có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng V từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021, theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại 02 hai hợp đồng tín dụng đó là Hợp đồng số 415-019/14/VAB/HĐTDHCN ngày 03/6/2014 (gọi tắt HĐTD số 1); Hợp đồng số 415-033/14/VAB/HĐTDHCN, ngày 23/9/2014 (gọi tắt HĐTD số 2) và buộc ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lãi 91.116.306 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền 91.116.306 đồng như Kiểm sát viên đề nghị là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Theo quy định của pháp luật, thì ông L, bà T không phải chịu thêm lãi suất đối với các khoản tiền lãi phải trả cho Ngân hàng. Do đó, không buộc ông L, bà T phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền lãi phải trả cho Ngân hàng V của số

tiền 91.116.306 đồng và khoản lãi của lãi quá hạn phải trả cho Ngân hàng V đối với vốn gốc số tiền 170.540.000 đồng từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021 là đúng quy định (vì ông T đã trã đủ vốn vay của 02 hợp đồng tín dụng số tiền 170.540.000 đồng cho Ngân hàng V vào ngày 10/11/2021), phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Ông T đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông L, bà T) đề nghị Ngân hàng V giảm bớt nợ lãi của số tiền tiền 91.116.306 đồng, số tiền lãi còn lại ông xin trả trong hạn 6 tháng và yêu cầu Ngân hàng V xem xét cho giải tỏa hợp đồng thế chấp QSD đất diện tích 2.848,5m^2 do ông L, bà T thế chấp vay vốn (nội dung yêu cầu giải tỏa tài sản QSD đất của ông T không thể hiện yêu cầu này trong đơn kháng cáo ngày 05/02/2020), để ông tiện xử lý tài sản QSD đất kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng. Ông C (đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng V) không đồng ý theo nội dung ông T yêu cầu và đề nghị Tòa phúc thẩm tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản QSD đất và thế chấp xe ô tô để bảo đảm việc thu hồi nợ. Ông T không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu và đề nghị nêu trên, những yêu cầu này của ông T không có trong đơn kháng cáo, do đó không có căn cứ giảm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và giải tỏa Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 415-08/14/VAB/HĐTCBĐS ngày 23/9/2014 theo yêu cầu và đề nghị của ông T.

[3] Đối với nội dung ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T cho rằng ông đã nhiều lần đến Ngân Hàng V yêu cầu Ngân hàng có văn bản xác nhận bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 67C-027.47 của em ruột ông là ông L đứng tên (bị đơn trong vụ án này) thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng V, bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này do Ngân giữ khi thế chấp, để em ông là ông L đủ thủ pháp lý nộp phạt lấy xe ô tô ra để khai thác kiếm tiền trả nợ Ngân hàng, nhưng Ngân hàng không thực hiện gây thiệt hại cho anh em ông từ ngày 17/10/2019 cho đến nay, nếu ông T có chứng cứ chứng minh thiệt hại thì ông có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt thiệt hại, khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí đo đạc ở giai đoạn phúc thẩm: Sau khi xét xử sơ thẩm ông T (đại diện ủy quyền cho ông L, bà T) có yêu cầu đo đạc QSD đất của ông L, bà T thế chấp cho Ngân hàng, chi phí đo đạc 2.137.300 đồng (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0004867 ngày 21/8/2020), tại phiên tòa phúc thẩm ông T tự nguyện chịu chi phí đo đạc nêu trên, ông đã nộp xong, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 91.116.306 đồng là 4.555.815 đồng, nhưng giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm ông L, bà T có đơn xin miễn, giảm một phần án phí sơ thẩm do hoàn cảnh thực sự quá khó khăn, đơn này được UBND nơi ông L, bà T cư trú xác nhận ngày 15/01/2020 và ngày 28/02/2020, nên Hội đồng xét xử Tòa phúc thẩm xét giảm 1/2 án phí dân sự sơ thẩm cho ông L, bà T, nên ông L, bà T phải nộp 2.277.908 đồng án phí sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông L, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông L bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Phúc xử:

[1] Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22/01/2020 của Tòa án nhân thành phố LX.

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Công T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T.

- Buộc ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền lãi là 91.116.306 đồng (chín mươi mốt triệu một trăm mười sáu nghìn ba trăm lẻ sáu đồng). Ông L, bà T không phải trả thêm lãi phát sinh đối với số tiền lãi phải trả nêu trên.

- Buộc ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021 đối với nợ gốc của số tiền 170.540.000 đồng theo thỏa thuận tại 02 hai hợp đồng tín dụng (Hợp đồng số: 415-019/14/VAB/HĐTDHCN ngày 03/6/2014 và Hợp đồng số: 415-033/14/VAB/HĐTDHCN ngày 23/9/2014). Ông L, bà T không phải trả thêm lãi phát sinh đối với phần lãi quá hạn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V từ ngày 23/01/2020 đến ngày 10/11/2021 (vì ngày 10/11/2021 ông Lê Công T là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Bích T đã thanh toán xong vốn vay của 02 hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 170.540.000 đồng).

[1.2] Các phần còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 22/01/2020 của Tòa án nhân thành phố LX giữ nguyên.

Căn cứ Điều 323, Điều 325, Điều 343, Điều 361, Điều 427, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 14 và khoản 16 Điều 4,

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 169 và khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 415-08/14/VAB/HĐTCBĐS ngày 23/9/2014 được Văn phòng công chứng Số 1 tỉnh An Giang chứng nhận ngày 23/9/2014 được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chợ Mới ngày 23/9/2014 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải số 415-002/14/VAB/HĐTCĐS ngày 20/6/2014 đã được công chứng tại Phòng Công chứng Số 01, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 20/6/2014 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/6/2014 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi số tiền 1.945.837 đồng (*một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*).

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện nhận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh An Giang đại diện được nhận lại số tiền 6.207.983 đồng (*sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003161 ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5.2] Bị đơn ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.277.908 đồng (*hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm lẻ tám đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về chi phí đo đạc giai đoạn phúc thẩm: Chi phí đo đạc ở giai đoạn phúc thẩm (do ông Tài yêu cầu đo đạc) số tiền là 2.137.300 đồng, ông T tự nguyện chịu, ông T đã nộp đủ cho cơ quan đo đạc (nên không phải nộp thêm).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Công L, bà Nguyễn Thị Bích T, do (ông Lê Công T đại diện ủy quyền) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên ông L, bà T mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu (số 0000731 ngày 20/02/2020; số 0000732 ngày 20/02/2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tuấn